

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 03 năm 2026 của UBND phường Yên Dũng)

Đvt: đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán HĐND quyết định	Quyết toán năm 2025	So sánh QT/DT
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	310.994.051.124	308.908.788.558	99%
I	Chi đầu tư phát triển	50.358.816.500		
1	Chi đầu tư phát triển cho chương trình, dự án theo lĩnh vực	40.591.816.500	38.701.917.500	95%
1.1	Chi quốc phòng			
1.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội			
1.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	15.500.000.000	14.533.393.800	94%
1.4	Chi Khoa học và công nghệ			
1.5	Chi Y tế, dân số và gia đình			
1.6	Chi Văn hóa thông tin	2.900.000.000	2.808.215.000	97%
1.7	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn			
1.8	Chi Thể dục thể thao	180.000.000	167.845.000	93%
1.9	Chi Bảo vệ môi trường	600.000.000	597.944.000	100%
1.10	Chi các hoạt động kinh tế	19.011.816.500	18.227.122.600	96%
1.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1.050.000.000	1.038.150.000	99%
1.12	Chi Bảo đảm xã hội	750.000.000	729.247.100	97%
1.13	Chi đầu tư phát triển vốn chương trình mục tiêu quốc gia	600.000.000	600.000.000	100%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp hoạt động công ích,...			
3	Chi đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách tỉnh	9.767.000.000		
II	Chi trả lãi vay theo quy định			
III	Chi thường xuyên	241.159.251.548	230.453.752.782	96%
2.1	Chi quốc phòng	2.500.000.000	2.482.275.391	99%
2.2	Chi an ninh, trật tự, an toàn xã hội	4.620.000.000	4.613.875.269	100%
2.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	123.000.000.000	121.382.538.699	99%
2.4	Chi Khoa học và công nghệ			
2.5	Chi Y tế, dân số và gia đình	4.771.000.000	2.436.720.160	51%
2.6	Chi Văn hóa thông tin	760.000.000	754.648.831	99%
2.7	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn	120.000.000	118.995.200	99%
2.8	Chi Thể dục thể thao	145.000.000	141.282.340	97%
2.9	Chi Bảo vệ môi trường	620.000.000	614.376.772	99%
2.10	Chi các hoạt động kinh tế	4.965.295.000	2.799.090.276	56%
2.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	71.200.000.000	69.750.358.211	98%
2.12	Chi Bảo đảm xã hội	28.219.956.548	25.121.591.633	89%
2.13	Chi khác	238.000.000	238.000.000	100%
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
V	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương			
VI	Dự phòng ngân sách	4.360.000.000	591.919.470	14%
VII	Chi chuyển nguồn	15.115.983.076	39.161.198.806	259%
B	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI			
1	Bổ sung cân đối			
2	Bổ sung có mục tiêu			
C	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	262.100.000	410.792.500	157%
	TỔNG SỐ (A+B+C)	311.256.151.124	309.319.581.058	99%